LỊCH GIẢNG KHỐI ĐẠI HỌC Y CHÍNH QUY & RĂNG HÀM MẶT & DƯỢC HỌC (NĂM HỌC: 2020 - 2021)

TUẦN	LỚP	Y1AB	RHM1	Y1CD	DƯỢC 1	Y2AB	Y2CD	DƯỢC 2	RHM2
09	GĐ SÁNG					GĐ. 508*-602	GĐ. 305-407*-507(A2)		P. 11(K. B)
30/11-04/12	GĐ CHIỀU	GĐ. 306-308*-408 (khu A2)		GĐ. 207-208-307* (khu A2)				GĐ. 407	P. 11(K. B)
THỨ HAI 30/11	07g30 - 08g20	GDTC1	GDTC1	TT.TH1	TT.TH1	GP 2	HÓA SINH	HÓA SINH	TT SINH LÝ
	08g30 - 09g20	GDTC1	GDTC1	TT.TH1	TT.TH1	GP 2	HÓA SINH	HÓA SINH	TT SINH LÝ
	09g30 -10g20	GDTC2	GDTC2	TT.TH1	TT.TH1	HÓA SINH	GP 2		TT SINH LÝ
	10g30 - 11g20	GDTC2	GDTC2	TT.TH1	TT.TH1	HÓA SINH	GP 2		TT SINH LÝ
	13g30 - 14g20	HÓA ĐC	HÓA ĐC	VẬT LÝ	VẬT LÝ	TT.MÔ3/VS1/HS5	ĐDCB2		THI GIỮA KỲ
	14g30 - 15g20	HÓA ĐC	HÓA ĐC	VẬT LÝ	VẬT LÝ	TT.MÔ3/VS1/HS5	ĐDCB2		MÔ PHÔI (13g30)
	15g30 - 16g20	VẬT LÝ	VẬT LÝ	HÓA ĐC	HÓA ĐC	TT.MÔ4/VS2/HS5	ĐDCB2		P. 305 (Khu A2)
	16g30 - 17g20	VẬT LÝ	VẬT LÝ	HÓA ĐC	HÓA ĐC	TT.MÔ4/VS2/HS5	ĐDCB2		
THỨ BA 01/12	07g30 - 08g20	TT.TH1/GDTC3	TT.TH1/GDTC3			TT. HS 4	ĐDCB3	TT. HS5	TT MÔ HỌC
	08g30 - 09g20	TT.TH1/GDTC3	TT.TH1/GDTC3			TT. HS 4	ĐDCB3	TT. HS5	TT MÔ HỌC
	09g30 -10g20	TT.TH1/GDTC4	TT.TH1/GDTC4			TT. HS 4	ĐDCB3	TT. HS5	TT MÔ HỌC
	10g30 - 11g20	TT.TH1/GDTC4	TT.TH1/GDTC4			TT. HS 4	ĐDCB3	TT. HS5	TT MÔ HỌC
	13g30 - 14g20	PHÁP LUẬT	PHÁP LUẬT	VẬT LÝ	VẬT LÝ		TT.MÔ3/VS1/HS5	TT. VS1	
	14g30 - 15g20	PHÁP LUẬT	PHÁP LUẬT	VẬT LÝ	VẬT LÝ		TT.MÔ3/VS1/HS5	TT. VS1	
	15g30 - 16g20	VẬT LÝ	VẬT LÝ	PHÁP LUẬT	PHÁP LUẬT		TT.MÔ4/VS2/HS5	TT. VS2	
	16g30 - 17g20	VẬT LÝ	VẬT LÝ	PHÁP LUẬT	PHÁP LUẬT		TT.MÔ4/VS2/HS5	TT. VS2	
THỨ TƯ 02/12	07g30 - 08g20	TT.TH6/GDTC1	TT.TH6/GDTC1	TRIẾT HỌC MLN	TRIẾT HỌC MLN	HÓA SINH	VI SINH	VI SINH	TT SINH LÝ
	08g30 - 09g20	TT.TH6/GDTC1	TT.TH6/GDTC1	TRIẾT HỌC MLN	TRIẾT HỌC MLN	HÓA SINH	VI SINH	VI SINH	TT SINH LÝ
	09g30 -10g20	TT.TH6/GDTC2	TT.TH6/GDTC2	TRIẾT HỌC MLN	TRIẾT HỌC MLN	VI SINH	HÓA SINH	HÓA SINH	TT SINH LÝ
	10g30 - 11g20	TT.TH6/GDTC2	TT.TH6/GDTC2	TRIẾT HỌC MLN	TRIẾT HỌC MLN	VI SINH	HÓA SINH	HÓA SINH	TT SINH LÝ
	13g30 - 14g20	TRIẾT HỌC MLN	TRIẾT HỌC MLN			TT.MÔ1/VS6/HS2	ĐDCB1	HÓA PT 1	
	14g30 - 15g20	TRIẾT HỌC MLN	TRIẾT HỌC MLN			TT.MÔ1/VS6/HS2	ĐDCB1	HÓA PT 1	
	15g30 - 16g20	TRIẾT HỌC MLN	TRIẾT HỌC MLN			TT.MÔ5/VS4/HS2	ĐDCB1	HÓA PT 1	
	16g30 - 17g20	TRIẾT HỌC MLN	TRIẾT HỌC MLN			TT.MÔ5/VS4/HS2	ĐDCB1	HÓA PT 1	
THỨ NĂM 03/12	07g30 - 08g20	GDTC3	GDTC3	TT.TH2	TT.TH2	TT. HS 1	ĐDCB4	TT. HS 2	TT MÔ HỌC
	08g30 - 09g20	GDTC3	GDTC3	TT.TH2	TT.TH2	TT. HS 1	ĐDCB4	TT. HS 2	TT MÔ HỌC
	09g30 -10g20	GDTC4	GDTC4	TT.TH2	TT.TH2	TT. HS 1	ĐDCB4	TT. HS 2	TT MÔ HỌC
	10g30 - 11g20	GDTC4	GDTC4	TT.TH2	TT.TH2	TT. HS 1	ĐDCB4	TT. HS 2	TT MÔ HỌC
	13g30 - 14g20	HÓA ĐC	HÓA ĐC	VẬT LÝ	VẬT LÝ		TT.MÔ2/VS6/HS3	TT. VS 3	
	14g30 - 15g20	HÓA ĐC	HÓA ĐC	VẬT LÝ	VẬT LÝ		TT.MÔ2/VS6/HS3	TT. VS 3	
	15g30 - 16g20	VẬT LÝ	VẬT LÝ	HÓA ĐC	HÓA ĐC		TT.MÔ5/HS3	TT. VS 4	
	16g30 - 17g20	VẬT LÝ	VẬT LÝ	HÓA ĐC	HÓA ĐC		TT.MÔ5/HS3	TT. VS 4	
THỨ SÁU 04/12	07g30 - 08g20	YĐ-KHHV	YĐ-KHHV	TLHSK	TLHSK		ĐDCB6/VS4/HS1	TT. HS1	TT SINH LÝ
	08g30 - 09g20	YĐ-KHHV	YĐ-KHHV	TLHSK	TLHSK		ĐDCB6/VS4/HS1	TT. HS1	TT SINH LÝ
	09g30 -10g20	TLHSK	TLHSK	YĐ-KHHV	YĐ-KHHV		ĐDCB6/HS1	TT. HS1	TT SINH LÝ
	10g30 - 11g20	TLHSK	TLHSK	YĐ-KHHV	YĐ-KHHV		ĐDCB6/HS1	TT. HS1	TT SINH LÝ
	13g30 - 14g20	KTCT MLN	KTCT MLN	TIN HỌC	TIN HỌC	TT.MÔ6/VS3	ĐDCB5/HS2	HÓA PT 1	
	14g30 - 15g20	KTCT MLN	KTCT MLN			TT.MÔ6/VS3	ĐDCB5/HS2	HÓA PT 1	
	15g30 - 16g20	TIN HỌC	TIN HỌC	KTCT MLN	TRIẾT HỌC MLN	TT.MÔ2/VS5	ĐDCB5/HS2	HÓA PT 1	
	16g30 - 17g20			KTCT MLN	TRIẾT HỌC MLN	TT.MÔ2/VS5	ĐDCB5/HS2	HÓA PT 1	
THỨ BẢY 05/12	07g30 - 08g20			TT.TH3	TT.TH3	TT. HS3	TT.VS5	TT.VS5/TT.HS3	
	08g30 - 09g20			TT.TH3	TT.TH3	TT. HS3	TT.VS5	TT.VS5/TT.HS3	
	09g30 -10g20			TT.TH3	TT.TH3	TT. HS3	TT.VS3	TT.HS3	
	10g30 - 11g20			TT.TH3	TT.TH3	TT. HS3	TT.VS3	TT.HS3	
	13g30 - 14g20			TT.TH4	TT.TH4		TT.MÔ 1/TT.HS4	TT. HS 4	
	14g30 - 15g20			TT.TH4	TT.TH4		TT.MÔ 1/TT.HS4	TT. HS 4	
	15g30 - 16g20			TT.TH4	TT.TH4		TT.MÔ 6/TT.HS4	TT. HS 4	
	16g30 - 17g20			TT.TH4	TT.TH4		TT.MÔ 6/TT.HS4	TT. HS 4	